

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững, hiện đại năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 837/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững, hiện đại giai đoạn 2021-2025,

Thực hiện Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 37/TTr-SNN ngày 20/3/2024 và Văn bản số 701/SNN-KH ngày 09/4/2024; ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 856 /STC-HCSN ngày 02/5/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững, hiện đại năm 2024 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nội dung thực hiện:

a) Cấp tỉnh:

- Cơ cấu lại sản xuất, phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.
- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, đẩy mạnh cơ giới hóa.
- Phát triển sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.

- Thực hiện xúc tiến thương mại; phát triển thương hiệu, thị trường.
- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

b) Cấp huyện:

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả (chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đổi giống, phát triển giống mới, đặc sản, thực hiện mô hình sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu,..)

- Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp hướng thông minh.
- Xây dựng và nhân rộng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng mô hình nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn.
- Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

2. Tổng kinh phí thực hiện: 17.228 triệu đồng (*Mười bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu đồng*), cụ thể:

- Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 786 triệu đồng.
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 2.470 triệu đồng.
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: 550 triệu đồng.
- Chi cục Phát triển nông thôn: 770 triệu đồng.
- Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường: 4.461 triệu đồng.
- Trung tâm Khuyến nông: 990 triệu đồng.
- Hội Nông dân tỉnh: 150 triệu đồng.
- UBND các huyện, thành phố: 6.601 triệu đồng.

(*Chi tiết tại Phụ lục 1,2,3 đính kèm*)

2. Nguồn kinh phí:

a) Kinh phí thực hiện của các đơn vị cấp tỉnh: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế đã được giao tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 10.267 triệu đồng.

b) Kinh phí thực hiện của cấp huyện: Từ nguồn kinh phí đã được cân đối từ đầu năm 2024 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 6.601 triệu đồng.

Điều 2. Quy định bổ sung một số cơ chế chính sách thực hiện

1. Hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa: Thực hiện theo khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 141/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái: thực hiện mức hỗ trợ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 29, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương.

3. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký gian hàng và duy trì gian hàng thương mại điện tử: Áp dụng theo Điều 6 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:


a) Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về căn cứ pháp lý và sự phù hợp của các nội dung, số kinh phí đề xuất phân bổ cho các nội dung chi tiết tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thông báo dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán chi tiết của từng nội dung chi theo thẩm quyền và quy định của pháp luật trước khi triển khai thực hiện; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng định mức, chế độ quy định, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc chủ động cân đối ngân sách huyện, thành phố năm 2024 để triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch đã đề ra.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4,
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN, TH₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Ngọc Phúc



**Phụ lục 1. NỘI DUNG KINH PHÍ CẤP TỈNH THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NGÀNH
NÔNG NGHIỆP NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 888 /QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	1.980	
1	Cơ cấu lại sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả	140	
a	Đề án Nhập khẩu giống hoa có bản quyền phục vụ phát triển ngành sản xuất hoa giai đoạn 2021-2025	70	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
B	Hỗ trợ phát triển sản xuất giống	70	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
2	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh	970	
a	Mô hình nông nghiệp ứng dụng đồng bộ công nghệ thông minh	270	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
b	Đánh giá công nhận mới các vùng công nghệ cao, chứng nhận doanh nghiệp, hợp tác xã công nghệ cao	20	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
c	Hội thảo khoa học đề xuất các giải pháp quản lý và phát triển nhà kính bền vững trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các vùng phụ cận	100	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
d	Hỗ trợ các máy móc, mô hình để phục vụ cơ giới hóa	580	Chi cục Phát triển nông thôn
3	Sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh	870	
a)	Các giải pháp thúc đẩy sản xuất, cung ứng lương thực thực phẩm bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu / mô hình sản xuất bền vững	270	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
b)	Mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn	600	Trung tâm Khuyến nông
II	XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU	3.037	
a)	Liên kết, hợp tác phát triển nông nghiệp với các địa phương trong nước, các chương trình phát triển ngành hàng, kêu gọi đầu tư. Hỗ trợ xúc tiến thương mại.	2.176	
a1)	Hợp tác liên kết trong và ngoài nước	320	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
a2)	Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường	1.856	Chi cục Chất lượng Chế biến và Phát triển thị trường
	<i>Xúc tiến thương mại</i>	<i>1.256</i>	

	<i>Hội nghị kết nối giao thương</i>	600	
b)	Nhân rộng các mô hình trung tâm sau thu hoạch gắn với phát triển các chuỗi các chuỗi liên kết	661	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
c)	Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử nông sản	200	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
III	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước	4.654	
1	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền triển khai các quy trình kỹ thuật, phương thức sản xuất, các hình thức đổi mới quan hệ sản xuất; phát triển thương hiệu, thị trường.. nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng của người dân và cán bộ quản lý	900	
	<i>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	400	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>
	<i>Lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản</i>	100	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản</i>
	<i>Lĩnh vực phát triển nông thôn</i>	100	<i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>
	<i>Lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	200	<i>Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường</i>
	<i>Lĩnh vực khác</i>	100	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>
2	Kiểm tra, giám sát vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát chất lượng nông sản	1.614	
	<i>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	250	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>
	<i>lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản</i>	150	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản</i>
	<i>Lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	1.214	<i>Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường</i>
3	Chuyển đổi số trong quản lý	1.200	
	<i>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	800	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>
	<i>Lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản</i>	200	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản</i>
	<i>Lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	200	<i>Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường</i>
	<i>Lĩnh vực thủy lợi</i>	450	<i>Chi cục Thủy lợi</i>
4	Xây dựng các kế hoạch, đề án chuyên đề	190	
	<i>Chiến lược phát triển ngành hoa, đề án phát triển giống nông lâm nghiệp; Đề án phát triển nông nghiệp tuần hoàn; Kế hoạch phát triển vùng sản xuất rau an toàn....</i>	150	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>

	<i>Đề án ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp</i>	40	<i>Trung tâm Khuyến nông</i>
5	Nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất	350	Trung tâm Khuyến nông
IV	Tổ chức thực hiện	956	
1	Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành	90	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, chuyên đề	90	
	<i>Hội nghị sơ kết</i>	30	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>
	<i>Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã</i>	30	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>
	<i>Hội nghị tổng kết đề án đầu tư</i>	30	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản</i>
3	Tuyên truyền, phổ biến về định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp và các chính sách liên quan	150	Hội Nông dân tỉnh
4	Kinh phí quản lý	626	
	<i>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	120	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>
	<i>Lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản</i>	70	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản</i>
	<i>Lĩnh vực phát triển nông thôn</i>	90	<i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>
	<i>Lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	130	<i>Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường</i>
	<i>Lĩnh vực khác</i>	216	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>
Tổng cộng		10.627	



Phụ lục 2. TỔNG HỢP PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2.470
2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và thủy sản	550
3	Chi cục Phát triển nông thôn	770
4	Chi cục Chất lượng, Chế lượng và Phát triển thị trường	4.461
5	Trung tâm Khuyến nông	990
6	Chi cục Thủy lợi	450
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	786
8	Hội Nông dân tỉnh	150
	Tổng cộng	10.627



Phụ lục 3. NỘI DUNG KINH PHÍ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 833 /QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục công việc	Đà Lạt	Bảo Lộc	Đam Rông	Lạc Dương	Lâm Hà	Đơn Dương	Đức Trọng	Di Linh	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Tổng cộng
1	Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả (chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; Mô hình sản xuất, chuyển đổi cơ cấu, phát triển giống mới, đặc sản...)		184	431	270	336	279	279	289	194		213	279	2.755
2	Mô hình sản xuất nông nghiệp hướng thông minh	222			190	190	285	285						1.172
3	Xây dựng, nhân rộng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		295	190		190			190	190	735		190	1.980
4	Cơ giới hóa			200	105	105				95		95	95	694
Tổng cộng		222	479	821	564	821	564	564	479	479	735	308	564	6.601